

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
đã được kiểm toán**

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán	05 - 06
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	07 - 34
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được đổi tên từ Công ty Cổ phần HAPACO theo Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 10 ngày 08/08/2009. Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần HAPACO theo Quyết định số 1912 QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 do UBND thành phố Hải Phòng cấp.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 055591 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 06 năm 1999, cấp lại lần 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn là:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Sản xuất, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu;
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê;
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
- Đào tạo nguồn nhân lực.
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị máy móc, vật tư, nguyên liệu, hóa chất thông thường;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- In ấn: In giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
- Hoạt động của các bệnh viện.

Trụ sở chính của Tập đoàn tại: Tầng 5 + 6 Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Tỉnh Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO là 500.002.510.000 đồng, tương đương 50.000.251 cổ phiếu.

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần HAPACO - CN Hà Nội	Số 478 Minh Khai - Thành phố Hà Nội
- Nhà máy Giấy Hải Phòng	Đại Bản - An Dương - Thành phố Hải Phòng

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO
Tầng 5 + 6 Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Tỉnh Hải Phòng

Các công ty con:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	Số 638 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình
- Công ty Cổ phần Hải Hà	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang
- Công ty Cổ phần Hapaco H.P.P	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Hapaco Phương Đông	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	Số 114 - Lê Duẩn - Kiến An - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hải Phòng	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Hapaco	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Công ty CP Thương mại dịch vụ Hải Phòng	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng

Các công ty liên kết:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần HAP - REE	Số 135 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Công ty CP Khu Công nghiệp Hải Phòng	Số 135 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Thủy	Ủy viên
Ông Vũ Xuân Thịnh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Ủy viên
Bà Phạm Thị Nguyệt	Ủy viên
Ông Bùi Đức Thống	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hậu	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Xuân Thủy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Ba	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đồng Trụ	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm 15/10/2009)
Ông Vũ Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tập đoàn.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Tập đoàn cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Tập đoàn đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2010

Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Vũ Dương Hiền

Số: /2010/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được lập ngày 24 tháng 02 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 7 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất về các vấn đề sau:

- Năm 2006, Tập đoàn mua lại Công ty Dệt Hải Phòng (Doanh nghiệp Nhà nước), nay là Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO, theo Hợp đồng số 02/2006/HĐMB-CTNN ngày 23/10/2006 với hình thức kế thừa lại các khoản nợ cũ và mục đích là khôi phục sản xuất kinh doanh, thực hiện trả nợ cho nhà cung cấp. Một số vấn đề cần lưu ý đối với hoạt động trong năm 2009 của Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO như sau:

- + Khoản lỗ lũy kế của Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO đến ngày 31/12/2009 là 38,4 tỷ đồng đã vượt Vốn đầu tư của chủ sở hữu là 21 tỷ đồng. Do đó, tính hoạt động liên tục của Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO có thể bị ảnh hưởng trong những năm tài chính tiếp theo.
- + Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO điều chỉnh chính sách khấu hao tài sản cố định từ phương pháp khấu hao đường thẳng sang khấu hao theo phương pháp số lượng sản xuất trong kỳ. Việc thay đổi chính sách làm giảm khấu hao tài sản cố định trong năm 2009 so với năm 2008 là 9 tỷ đồng.
- + Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO không thực hiện trích trước chi phí lãi vay năm 2009 đối với khoản nhận nợ Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hải Phòng số tiền là 7,7 tỷ đồng. Tập đoàn cam kết thực hiện các thủ tục để xin miễn giảm chi phí lãi vay của Công ty và thực hiện các thủ tục pháp lý để xin giả thể Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO trong năm 2010.

- Văn phòng Tập đoàn và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Hải Phòng không trích lập dự phòng đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết hiện đang nắm giữ do không có cơ sở đáng tin cậy về giá thị trường tại thời điểm 31/12/2009. Tổng giá gốc các loại chứng khoán chưa niêm yết mà Văn phòng Tập đoàn đang nắm giữ là 967.000.000 đồng; và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hải Phòng đang nắm giữ là 9.093.582.500 đồng.
- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty Cổ phần HAP - REE và Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng chưa lập Báo cáo tài chính nên khoản đầu tư vào hai công ty liên kết nêu trên chưa được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng chênh lệch do việc điều chỉnh từ phương pháp giá gốc sang phương pháp vốn chủ sở hữu khoản đầu tư tại hai công ty liên kết không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn vì hai công ty liên kết đang trong giai đoạn đầu tư.
- Theo Giấy đăng ký kinh doanh cấp lại lần 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009 thì Vốn điều lệ của Tập đoàn là 500.002.510 đồng. Tuy nhiên cho đến ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2009, Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tập đoàn là 186.516.780.000 đồng.
- Công ty CP HAPACO H.P.P, Công ty Cổ phần Phương Đông, Công ty Dệt may HAPACO, Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc đến thời điểm 31/12/2009 chỉ có Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO góp vốn. Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P chưa có Quyết định bàn giao vốn.
- Năm 2009, Tập đoàn chưa hạch toán, kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân của một số cán bộ có thu nhập cao. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 1998 đến năm 2003 theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế chưa được điều chỉnh trên Báo cáo tài chính năm 2009 của Tập đoàn. Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này Cục thuế Thành phố Hải Phòng chưa có quyết định chính thức về số thuế Tập đoàn được miễn giảm từ năm 1999 đến năm 2003. Vì vậy, Tập đoàn chưa thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Quốc Dũng

Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Phạm Xuân Thái

Chứng chỉ KTV số: 1230/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		278.149.810.413	281.374.737.043
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	38.321.628.511	38.550.969.201
111	1 Tiền		36.021.628.511	35.450.969.201
112	2 Các khoản tương đương tiền		2.300.000.000	3.100.000.000
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	75.609.033.639	104.262.405.102
121	1 Đầu tư ngắn hạn		79.659.189.338	179.495.975.545
129	2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(4.050.155.699)	(75.233.570.443)
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		81.191.239.042	47.816.484.741
131	1 Phải thu của khách hàng		22.675.400.885	18.875.767.673
132	2 Trả trước cho người bán		11.536.505.494	5.832.704.061
135	5 Các khoản phải thu khác	5	49.162.124.306	25.173.227.813
139	6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(2.182.791.643)	(2.065.214.806)
140	IV Hàng tồn kho	6	66.975.939.215	78.785.010.121
141	1 Hàng tồn kho		69.241.582.094	92.957.084.641
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(2.265.642.879)	(14.172.074.520)
150	V Tài sản ngắn hạn khác		16.051.970.006	11.959.867.878
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		894.385.821	801.611.007
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		7.549.070.876	2.986.011.418
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	4.054.688	1.846.443.591
158	4 Tài sản ngắn hạn khác		7.604.458.621	6.325.801.862

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		413.726.470.289	392.593.325.927
220	II Tài sản cố định		257.195.279.396	251.095.920.349
221	1 Tài sản cố định hữu hình	8	208.853.003.829	223.254.036.366
222	- Nguyên giá		290.299.648.253	287.949.700.225
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(81.446.644.424)	(64.695.663.859)
227	3 Tài sản cố định vô hình	9	6.235.833.062	6.595.837.807
228	- Nguyên giá		7.366.081.128	7.366.081.128
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.130.248.066)	(770.243.321)
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	42.106.442.505	21.246.046.176
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	124.592.512.176	104.491.596.020
252	2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		56.385.005.000	55.516.391.020
258	3 Đầu tư dài hạn khác		82.039.533.017	50.502.994.023
259	4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(13.832.025.841)	(1.527.789.023)
260	V Tài sản dài hạn khác		18.502.883.437	21.634.925.238
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	12	18.502.883.437	21.634.925.238
269	VI Lợi thế thương mại	13	13.435.795.280	15.370.884.320
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		691.876.280.702	673.968.062.970

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
NGUỒN VỐN			
300 A NỢ PHẢI TRẢ		203.402.623.530	239.080.868.317
310 I Nợ ngắn hạn		145.454.900.429	163.566.818.584
311 1 Vay và nợ ngắn hạn	14	73.232.684.789	79.695.479.928
312 2 Phải trả người bán		24.371.350.451	30.836.471.964
313 3 Người mua trả tiền trước		2.918.664.059	1.581.670.030
314 4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8.542.475.592	15.760.270.704
315 5 Phải trả người lao động		3.245.028.176	1.573.907.918
316 6 Chi phí phải trả	16	9.287.607.847	10.805.657.562
319 9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	23.857.089.515	23.313.360.478
330 II Nợ dài hạn		57.947.723.101	75.514.049.733
333 3 Phải trả dài hạn khác		464.900.000	468.900.000
334 4 Vay và nợ dài hạn	18	56.892.039.786	74.492.973.786
336 6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		590.783.315	552.175.947
400 B VỐN CHỦ SỞ HỮU		461.432.676.666	412.420.532.152
410 I Vốn chủ sở hữu	19	461.686.304.252	411.733.553.293
411 1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		186.516.780.000	169.718.410.000
412 2 Thặng dư vốn cổ phần		247.782.548.671	264.580.918.671
414 4 Cổ phiếu quỹ (*)		(4.662.935.543)	(4.655.745.026)
416 6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(498.135.898)	-
417 7 Quỹ đầu tư phát triển		56.199.962.653	53.338.985.244
418 8 Quỹ dự phòng tài chính		5.771.065.509	5.234.914.092
420 10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(29.422.981.141)	(76.483.929.688)
430 II Nguồn kinh phí và quỹ khác		(253.627.586)	686.978.859
431 1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(253.627.586)	686.978.859
410 C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	26	27.040.980.507	22.466.662.501
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		691.876.280.702	673.968.062.970

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Văn Phú

Vũ Dương Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2009

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	288.490.159.231	321.007.807.199
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		2.952.176.572	2.326.445.287
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		285.537.982.659	318.681.361.912
11	4 Giá vốn hàng bán	21	247.734.879.754	286.437.740.948
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.803.102.905	32.243.620.964
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	22	45.239.404.671	28.207.145.904
22	7 Chi phí tài chính	23	(5.695.554.453)	89.102.509.816
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.757.893.799	12.045.047.907
24	8 Chi phí bán hàng		8.037.734.852	8.986.760.293
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		28.074.127.804	30.434.537.092
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		52.626.199.373	(68.073.040.333)
31	11 Thu nhập khác		3.949.695.677	9.616.456.924
32	12 Chi phí khác		2.621.865.191	5.782.262.138
40	13 Lợi nhuận khác		1.327.830.486	3.834.194.786
51	14 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết		-	-
50	15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		53.954.029.859	(64.238.845.547)
51	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	7.560.667.078	3.170.722.365
52	17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		46.393.362.782	(67.409.567.912)
61	19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	26	5.469.731.915	1.463.816.729
62	20 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		40.923.630.867	(68.873.384.641)
70	21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	2.385	(4.608)

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2010

Tổng Giám đốc

Phạm Văn Phú

Vũ Dương Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Lợi nhuận trước thuế		53.954.029.859	(64.238.845.547)
	2 Điều chỉnh cho các khoản		(34.373.876.525)	108.920.686.560
02	Khấu hao tài sản cố định		18.615.124.159	28.666.809.878
03	Các khoản dự phòng		(70.668.032.730)	78.753.599.774
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		199.315.500	248.867.900
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		12.721.822.747	(10.793.638.899)
06	Chi phí lãi vay		4.757.893.799	12.045.047.907
08	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.580.153.334	44.681.841.013
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(31.910.782.894)	(1.327.380.405)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		23.715.502.547	(57.105.764.836)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(26.400.842.017)	3.140.404.966
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		3.039.266.987	2.154.350.311
13	Tiền lãi vay đã trả		(5.346.898.421)	(4.951.268.975)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.588.494.555)	(3.111.189.401)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.182.850.832	23.863.525.891
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.940.611.981)	(2.129.977.160)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(44.669.856.168)	5.214.541.404
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(26.921.658.496)	(21.640.699.844)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		300.043.286	1.518.081.650
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(31.508.360.803)	(64.238.494.590)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		27.716.166.572	38.330.565.107
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(68.235.297.635)	(9.802.061.844)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		131.874.736.637	6.616.200.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		35.309.374.001	14.722.154.043
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		68.535.003.562	(34.494.255.478)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		16.798.370.000	454.245.111
32	2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(4.208.529.919)
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		54.848.454.553	8.026.474.586
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(78.912.183.692)	(18.371.719.737)
35	5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	(191.917.061)
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.798.370.000)	(580.548.621)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(24.063.729.139)	(14.871.995.641)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(198.581.745)	(44.151.709.715)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		38.550.969.201	82.702.678.916
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(30.758.945)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	38.321.628.511	38.550.969.201

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Văn Phú

Vũ Dương Hiền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được đổi tên từ Công ty Cổ phần HAPACO theo Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 10 ngày 08/08/2009. Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần HAPACO theo Quyết định số 1912/QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 do UBND thành phố Hải Phòng cấp.

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần HAPACO - CN Hà Nội	Số 478 Minh Khai - Thành phố Hà Nội
- Nhà máy Giấy Hải Phòng	Đại Bản - An Dương - Thành phố Hải Phòng

Các công ty con:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu ⁽¹⁾	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn ⁽²⁾	Số 638 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc ⁽³⁾	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình
- Công ty Cổ phần Hải Hà ⁽⁴⁾	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang
- Công ty Cổ phần Hapaco H.P.P ⁽⁵⁾	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Hapaco Phương Đông ⁽⁶⁾	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco ⁽⁷⁾	Số 114 - Lê Duẩn - Kiến An - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hải Phòng ⁽⁸⁾	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Công ty TNHH Đầu tư tài chính Hapaco ⁽⁹⁾	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng ⁽¹⁰⁾	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng

Các công ty liên kết:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần HAP - REE ⁽¹¹⁾	Số 135 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Công ty CP Khu Công nghiệp Hải Phòng ⁽¹²⁾	Số 135 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Khái quát chung về các Công ty con của Công ty:

⁽¹⁾ Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu được đổi tên từ Công ty Cổ phần Giấy Hải Âu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 07 tháng 05 năm 2002, thay đổi lần thứ 3 ngày 12 tháng 11 năm 2007, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất, kinh doanh và gia công các sản phẩm giấy, sản phẩm chế biến từ lâm sản, sản phẩm bao bì, nhựa, gỗ, vải giả da, hòm hộp, khung cửa nhôm kính, kính trắng, kính màu; Kinh doanh thiết bị, vật tư, máy móc, nguyên liệu, hóa chất thông thường; In ấn: in vàng mã xuất khẩu.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.894.800.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 441A Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

(2) Công ty cổ phần Hapaco Yên Sơn được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 11 tháng 06 năm 2001, cấp lại lần thứ 3 ngày 27 tháng 04 năm 2007, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Chế biến gỗ và sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu; Sản xuất đũa tre, đũa gỗ xuất khẩu; Sản xuất giấy và bột giấy xuất khẩu; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, du lịch; Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa; Tư vấn tài chính kế toán, môi giới, nhận lệnh và kinh doanh chứng khoán; Kinh doanh bất động sản; Khai thác, chế biến khoáng sản; Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan khác.

Số vốn điều lệ của Công ty là 37.300.000.000 đồng. Công ty có trụ sở chính tại số nhà 638, đường Điện Biên, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

(3) Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000270 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp ngày 03 tháng 07 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Trồng rừng và chăm sóc rừng (rừng lấy gỗ, tre nứa); Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất các sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cỏi và vật liệu tẽt bện; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn (giấy vàng mã xuất khẩu); Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch.

Vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Km 18, quốc lộ 15A, xã Vạn Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

(4) Công ty Cổ phần Hải Hà hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp ngày 18 tháng 10 năm 2005, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Thu mua nguyên liệu: Tre, vầu, nứa, gỗ, song mây; Sản xuất chế biến bột giấy, giấy, đồ gỗ, hàng mỹ nghệ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu (Doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh các ngành nghề trên khi đã đủ các điều kiện theo quy định các pháp luật hiện hành).

Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại Cụm Công nghiệp Nam Quang, xã Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

(5) Công ty cổ phần Hapaco H.P.P hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 19 tháng 06 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn: in giấy vàng mã xuất khẩu; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Vốn điều lệ của Công ty là 127.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại Km 17 Quốc lộ 5, thôn Tiên Nông, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

(6) Công ty Cổ phần Hapaco Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 19 tháng 06 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh sau đây: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất các loại bao bì bằng gỗ; In ấn: in giấy vàng mã xuất khẩu; Xây dựng các công trình dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại số 441A, đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

(7) Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002627 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 07 tháng 11 năm 2006, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng dệt may, khăn ăn, khăn tắm, khăn rửa mặt; Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, hóa chất thông thường, thiết bị ngành dệt may; Kinh doanh bất động sản, xây dựng, thương mại dịch vụ và du lịch; Kinh doanh trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ cho thuê; Kinh doanh vận tải hàng hóa và hành khách bằng đường thủy, đường bộ.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại số 114 đường Lê Duẩn, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

⁽⁸⁾ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hải Phòng hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty là 11.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại số 135 Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

⁽⁹⁾ Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Hapaco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204000405 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 15 tháng 10 năm 2007, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Các hoạt động trợ giúp cho trung gian tài chính; Các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính; Hoạt động tư vấn đầu tư; Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp; Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại số 135 đường Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

⁽¹⁰⁾ Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 12 tháng 04 năm 2000, thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 08 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh là: Dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, Karaoke; Kinh doanh thực phẩm công nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên nhiên vật liệu, vật tư thiết bị và sản phẩm hàng hóa khác; Đại lý mua bán tiêu thụ hàng hóa; Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; Lữ hành nội địa.

Trụ sở chính Công ty tại số 135 Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Khái quát chung về Công ty liên kết của Công ty:

⁽¹¹⁾ Công ty Cổ phần H.A.P - R.E.E được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 26 tháng 01 năm 2008.

Số vốn cam kết góp theo điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 135 Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

⁽¹²⁾ Công ty Cổ phần khu công nghiệp Hải Phòng hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203004017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 03 năm 2008, cấp lại lần 1 ngày 18 tháng 11 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất điện cho khu công nghiệp; Truyền tải và phân phối điện cho khu công nghiệp; Khai thác, xử lý và cung cấp nước cho khu công nghiệp; Thoát nước và xử lý nước thải cho khu công nghiệp; Xử lý và tiêu hủy rác thải khu công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng đô thị; Xây dựng hệ thống giao thông nội bộ khu công nghiệp; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Bán buôn gạch, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn hóa chất thông thường; Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Môi giới xúc tiến đầu tư; Hoạt động quản lý khu công nghiệp; Dạy nghề; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; Bán ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách bằng taxi; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng.

Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại tòa nhà Khánh Hội, lô 2/3c Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 055591 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 06 năm 1999, cấp lại lần 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn là:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Sản xuất, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu;
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê;
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
- Đào tạo nguồn nhân lực.
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị máy móc, vật tư, nguyên liệu, hóa chất thông thường;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- In ấn: In giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
- Hoạt động của các bệnh viện.

Trụ sở chính của Tập đoàn tại: Tầng 5 + 6 Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Tỉnh Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO là 500.002.510.000 đồng, tương đương 50.000.251 cổ phiếu.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Đầu tư vào Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày lập báo cáo tài chính. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ trọng yếu giữa Công ty và các công ty con được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lãi lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết không được ghi nhận.

Trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp của Công ty liên kết chưa được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất:

Công ty con	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2009	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Hải Âu	32.894.800.000	12.894.800.000	6.774.500.000	52,5%
Công ty Cổ phần Yên Sơn	37.300.000.000	11.000.000.000	9.531.700.000	86,7%
Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc	45.000.000.000	5.523.855.039	5.523.855.039	100,0%
Công ty CP Hải Hà	20.000.000.000	13.000.000.000	8.000.000.000	61,5%
Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P	127.000.000.000	155.630.855.217	155.630.855.217	100,0%
Công ty Cổ phần Phương Đông	30.000.000.000	10.984.455.931	10.984.455.931	100,0%
Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO	30.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	100,0%
Công ty quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hải Phòng	11.000.000.000	25.000.000.000	22.250.000.000	89,0%
Công ty TNHH Đầu tư Tài chính HAPACO	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100,0%
Công ty CP TMDV Hải phòng	12.132.000.000	6.132.000.000	6.121.980.000	99,8%

Công ty Cổ phần Hapaco H.P.P chưa thực hiện điều chỉnh Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2009. Tại các Công ty con là Công ty CP HAPACO H.P.P, Công ty Cổ phần Phương Đông, Công ty Dệt may HAPACO, Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc và Công ty Cổ phần Hải Hà chỉ có Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO góp vốn tại thời điểm 31/12/2009.

Công ty chưa có Quyết định bàn giao tài sản cho Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P tại thời điểm 31/12/2009.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty Cổ phần HAP - REE và Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng chưa lập Báo cáo tài chính nên khoản đầu tư vào hai công ty liên kết nêu trên chưa được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, Công ty cam kết rằng chênh lệch do việc điều chỉnh từ phương pháp vốn chủ sở hữu và Phương pháp giá gốc khoản đầu tư tại hai công ty liên kết không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty vì hai công ty liên kết nêu trên đang trong giai đoạn đầu tư.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2.7 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.8 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 năm

Trong năm 2009, Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO điều chỉnh chính sách khấu hao tài sản cố định từ phương pháp khấu hao đường thẳng sang khấu hao theo phương pháp số lượng sản xuất trong kỳ.

2.9 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm: tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi hoặc cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết, Công ty liên doanh, cho vay vốn dài hạn và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.10 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Giá trị lợi thế khi mua Công ty Dệt HP;
- Chi phí thuê văn phòng;
- Giá trị còn lại Công cụ dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí phân tích môi trường, tư vấn xả thải;
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009 thì Vốn điều lệ của Công ty là 500.002.510.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2009 thì Vốn đầu tư của chủ sở hữu mới thực góp là 186.516.780.000 đồng.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.13 Các nghiệp vụ và phương pháp ghi nhận lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa giá mua đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được.

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua được Công ty phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Lợi thế thương mại âm được Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất và không thực hiện phân bổ trong suốt quá trình đầu tư hoặc được ghi nhận vào thu nhập khác khi Công ty thanh lý khoản đầu tư này.

2.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này.

Năm 2009, việc xử lý các khoản đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được ghi nhận theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính.

	Năm 2009	Năm 2008
Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống)	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.
Công nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính.	

2.15 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

2.15.1 Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

2.15.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

2.15.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính đối với cổ tức, lãi từ hoạt động cho vay được ghi nhận khi thực nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính đối với hoạt động ủy thác đầu tư được xác định trên cơ sở Biên bản xác nhận giữa Bên nhận ủy thác đầu tư và Bên góp vốn.

2.16 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam là 25%.

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài Chính, một số Công ty con của Công ty thuộc diện được giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp trong năm 2009.

Năm 2009, Công ty Cổ phần Hải Hà được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đầu tư số 10121000007 ngày 31/05/2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	8.389.395.981	2.654.013.846
Tiền gửi ngân hàng	27.632.232.530	32.796.955.355
Các khoản tương đương tiền	2.300.000.000	3.100.000.000
Cộng	38.321.628.511	38.550.969.201

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn ⁽¹⁾	13.446.783.569	109.491.375.545
Đầu tư ngắn hạn khác ⁽²⁾	66.212.405.769	70.004.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.050.155.699)	(75.233.570.443)
Cộng	75.609.033.639	104.262.405.102

⁽¹⁾ Chi tiết các khoản Chứng khoán đầu tư ngắn hạn như sau:

Chi tiết	Số dư nợ gốc
	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) (*)	967.000.000
Cổ phiếu đã niêm yết	12.479.783.569
Cộng	13.446.783.569

Ghi chú:

(*) Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty đã trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các mã cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ kế toán. Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng do không có cơ sở xác định giá thị trường và Ban Giám đốc Công ty đánh giá các khoản mục đầu tư cổ phiếu này là hợp lý tại thời điểm 31/12/2009.

⁽²⁾ Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn khác là khoản cho vay như sau:

Chi tiết	Số dư nợ gốc
	VND
Công ty Xuất nhập khẩu Hải Đăng	31.347.010.769
Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Eximbank	1.704.395.000
Cho vay cá nhân	500.000.000
Hợp đồng hợp tác đầu tư	32.161.000.000
Công ty Xuất nhập khẩu Hà Nội	500.000.000
Cộng	66.212.405.769

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, y tế ứng trước	118.177.341	-
Phải thu khác (*)	49.043.946.965	25.173.227.813
Cộng	49.162.124.306	25.173.227.813

(*) Chi tiết các khoản phải thu khác như sau:

Chi tiết	Số dư nợ gốc VND
Phải thu Công ty CP CBNLS Thành phố Hà Giang	1.028.804.852
Phải thu Thuế thu nhập cá nhân	282.839.990
Dự thu lãi ủy thác đầu tư dài hạn	20.463.812.876
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ XNK Hải Đăng	4.072.746.711
Phải thu tiền hàng Chi nhánh Miền Nam	531.891.266
Công ty Cổ phần Đông được Tiên Sa	1.879.502.192
Phải thu khách hàng cá nhân	14.001.491.445
Công ty Cổ phần điện máy Hải Phòng	5.075.185.099
Phải thu khác	1.707.672.534
Cộng	49.043.946.965

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Hàng mua đang đi đường	553.201.090	142.220.000
Nguyên liệu, vật liệu	16.814.826.783	24.999.964.861
Công cụ, dụng cụ	1.074.098.268	1.082.770.587
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.360.544.534	5.827.483.727
Thành phẩm	25.423.739.112	45.554.101.372
Hàng hoá	12.220.104.110	13.867.220.686
Hàng gửi đi bán	1.795.068.197	1.483.323.408
Cộng giá gốc hàng tồn kho	69.241.582.094	92.957.084.641
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.265.642.879)	(14.172.074.520)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	66.975.939.215	78.785.010.121

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế GTGT	1.475.693	1.746.356.689
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.578.995	80.140.934
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	18.445.968
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	1.500.000
Cộng	4.054.688	1.846.443.591

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	80.667.589.308	191.903.355.246	13.787.563.397	1.204.171.614	387.020.660	287.949.700.225
2. Số tăng trong năm	703.188.532	713.183.957	4.524.126.674	120.763.004	-	6.061.262.167
- Mua sắm mới	-	609.189.492	4.524.126.674	120.763.004	-	5.254.079.170
- Đầu tư XDCB hoàn thành	703.188.532	103.994.465	-	-	-	807.182.997
3. Số giảm trong năm	2.157.522.879	733.308.310	756.710.000	63.772.950	-	3.711.314.139
- Thanh lý, nhượng bán	2.157.522.879	733.308.310	341.100.000	63.772.950	-	3.295.704.139
- Giảm khác	-	-	415.610.000	-	-	415.610.000
4. Số dư cuối năm	79.213.254.961	191.883.230.893	17.554.980.071	1.261.161.668	387.020.660	290.299.648.253
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	19.036.310.276	42.347.066.096	2.681.154.664	556.059.508	75.073.315	64.695.663.859
2. Số tăng trong năm	5.218.195.295	11.460.259.841	1.800.523.119	314.716.046	55.843.681	18.849.537.982
- Trích khấu hao	5.036.950.716	11.106.669.977	1.800.523.119	314.716.046	55.843.681	18.314.703.539
- Tăng khác	181.244.579	353.589.864	-	-	-	534.834.443
3. Số giảm trong năm	878.265.189	669.173.012	464.420.497	86.698.719	-	2.098.557.417
- Chuyển sang BĐSĐT	-	-	-	18.064.200	-	18.064.200
- Thanh lý, nhượng bán	878.265.189	669.173.012	274.800.000	26.868.848	-	1.849.107.049
- Giảm khác	-	-	189.620.497	41.765.671	-	231.386.168
4. Số dư cuối năm	23.376.240.382	53.138.152.925	4.017.257.286	784.076.835	130.916.996	81.446.644.424
III. Giá trị còn lại						
1. Đầu năm	61.631.279.032	149.556.289.150	11.106.408.733	648.112.106	311.947.345	223.254.036.366
2. Cuối năm	55.837.014.579	138.745.077.968	13.537.722.785	477.084.833	256.103.664	208.853.003.829

Ghi chú:

Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO điều chỉnh chính sách khấu hao tài sản cố định từ phương pháp khấu hao đường thẳng sang khấu hao theo phương pháp số lượng sản xuất trong kỳ. Việc thay đổi chính sách làm giảm khấu hao tài sản cố định trong năm 2009 so với năm 2008 là 9 tỷ đồng.

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	5.845.229.650	26.000.000	1.494.851.478	7.366.081.128
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	5.845.229.650	26.000.000	1.494.851.478	7.366.081.128
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	438.392.226	3.300.000	328.551.095	770.243.321
2. Số tăng trong năm	292.261.486	2.500.000	65.243.259	360.004.745
- Trích khấu hao	243.551.240	2.500.000	54.369.380	300.420.620
- Tăng khác	48.710.246	-	10.873.879	59.584.125
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	730.653.712	5.800.000	393.794.354	1.130.248.066
III. Giá trị còn lại				
1. Đầu năm	5.406.837.424	22.700.000	1.166.300.383	6.595.837.807
2. Cuối năm	5.114.575.938	20.200.000	1.101.057.124	6.235.833.062

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	42.106.442.505	21.246.046.176
<i>Dự án Nhà máy lọc dầu tại Đình Vũ</i>	<i>15.267.268.061</i>	<i>15.168.387.315</i>
<i>Dự án Nhà máy giấy Hải Hà (GD II)</i>	<i>3.116.844.595</i>	<i>3.049.200.000</i>
<i>Dự án Khu công nghiệp Tràng Cát</i>	<i>5.050.782.919</i>	<i>2.050.782.919</i>
<i>Dự án Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng</i>	<i>17.135.788.052</i>	<i>557.504.722</i>
<i>Dự án đầu tư vào Công ty CP HAP - REE</i>	<i>80.098.182</i>	<i>59.678.182</i>
<i>Chi phí xây dựng sân</i>	<i>-</i>	<i>16.978.782</i>
<i>Chi phí mua QSD Đất tại Văn Yên</i>	<i>138.356.682</i>	<i>121.377.900</i>
<i>Mặt bằng 5664,2 m2</i>	<i>105.350.553</i>	<i>105.350.553</i>
<i>Sửa chữa nhà xưởng</i>	<i>-</i>	<i>105.065.803</i>
<i>Dự án bãi chứa ngoài trời</i>	<i>910.744.826</i>	<i>-</i>
<i>Phí thẩm định công trình, dây truyền sản xuất</i>	<i>23.636.364</i>	<i>-</i>
<i>Dự án thủy điện Phiên Côn</i>	<i>100.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Dự án xử lý nước thải</i>	<i>152.580.672</i>	<i>-</i>
<i>Các dự án khác</i>	<i>24.991.599</i>	<i>11.720.000</i>
Cộng	42.106.442.505	21.246.046.176

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	56.385.005.000	55.516.391.020
Đầu tư dài hạn khác	82.039.533.017	50.502.994.023
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(13.832.025.841)	(1.527.789.023)
Cộng	124.592.512.176	104.491.596.020

	31/12/2009 VND
Chi tiết Công ty liên doanh, liên kết như sau:	56.385.005.000
- Công ty Cổ phần HAP - REE	1.500.000.000
- Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	54.885.005.000
Chi tiết các khoản Đầu tư dài hạn khác	82.039.533.017
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	23.624.251.523
- Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	2.000.000.000
- Quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh Yên Bái	350.000.000
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hải Đăng	6.311.000.000
- Công ty Cổ phần Tiên Sa	9.730.000.000
- Đầu tư chứng khoán niêm yết	30.537.914.241
- Đầu tư chứng khoán chưa niêm yết (OTC) (*)	9.093.582.500
- Đầu tư dài hạn khác	392.784.753
Cộng	138.424.538.017

Ghi chú:

(*) Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty đã trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các mã cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ kế toán. Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng do không có cơ sở xác định giá thị trường và Ban Giám đốc Công ty đánh giá các khoản mục đầu tư cổ phiếu này là hợp lý tại thời điểm 31/12/2009.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Giá trị lợi thế khi mua Công ty Dệt HP (*)	17.315.115.939	19.788.703.923
Chi phí thuê văn phòng	-	492.629.400
Giá trị còn lại Công cụ dụng cụ xuất dùng	795.766.161	761.082.511
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	186.506.012	-
Chi phí phân tích môi trường, tư vấn xã thái	-	29.440.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	205.495.325	563.069.404
Cộng	18.502.883.437	21.634.925.238

(*) Giá trị lợi thế thương mại khi mua Công ty Dệt Hải Phòng là 24,74 tỷ đồng. Công ty phân bổ giá trị lợi thế khi mua Công ty Dệt Hải Phòng trong 10 năm, giá trị đã phân bổ trong năm 2009 là 2,47 tỷ đồng, giá trị còn lại đến 31/12/2009 là 17,32 tỷ đồng.

13 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên giá:		
- Số dư đầu kỳ	19.350.890.400	19.350.890.400
- Số dư đầu kỳ	19.350.890.400	19.350.890.400
Số đã phân bổ		
- Số đầu kỳ	3.980.006.080	2.044.917.040
- Số phân bổ trong kỳ	1.935.089.040	1.935.089.040
- Số dư cuối kỳ	5.915.095.120	3.980.006.080
Giá trị còn lại		
- Số đầu kỳ	15.370.884.320	17.305.973.360
- Số cuối kỳ	13.435.795.280	15.370.884.320

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	38.987.561.789	53.515.208.928
Nợ dài hạn đến hạn trả	34.245.123.000	26.180.271.000
Cộng	73.232.684.789	79.695.479.928

(*) Chi tiết các khoản Vay và nợ ngắn hạn như sau:

Chi tiết	Số dư nợ gốc
	VND
Vay và nợ ngắn hạn	38.987.561.789
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân	1.612.586.833
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Hải Phòng	23.011.971.496
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hải Phòng	11.240.654.434
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	3.112.349.026
Vay đối tượng khác	10.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	34.245.123.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	24.268.229.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hải Phòng	9.656.894.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	320.000.000
Cộng	73.232.684.789

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	229.165.768	534.872.038
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.090.897.881	13.982.267.461
Thuế Thu nhập cá nhân	82.782.150	331.808.908
Thuế Tài nguyên	1.114.120	1.923.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	754.229.876	508.545.500
Các loại thuế khác	338.636.940	400.853.797
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	45.648.857	-
Cộng	8.542.475.592	15.760.270.704

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	7.695.428.488	8.284.433.110
Chi phí tiền lương, ăn ca, tiền lễ, tiền phép trích trước	637.538.477	1.267.911.362
Chi phí tiền điện, nước, chi phí vận chuyển	179.979.067	92.043.240
Trích trước phí kiểm toán 2009	595.000.000	-
Chi phí phải trả khác	179.661.815	1.161.269.850
Cộng	9.287.607.847	10.805.657.562

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	239.337.290	-
Kinh phí công đoàn	297.297.093	145.875.381
Bảo hiểm xã hội	228.584.197	320.576
Phải trả về cổ phần hoá	441.726.901	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	22.650.144.034	23.167.164.521
Cộng	23.857.089.515	23.313.360.478

(*) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác như sau:

Chi tiết	Số dư nợ gốc VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	17.685.200.000
Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Bạch Đằng	817.093.500
Công ty H.You Enterprise	1.804.268.600
Chi phí hỗ trợ đầu tư dự án của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	719.124.000
Các khoản phải trả khác	1.624.457.934
Cộng	22.650.144.034

18 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Vay dài hạn ngân hàng (*)	56.892.039.786	74.492.973.786
Cộng	56.892.039.786	74.492.973.786

(*) Chi tiết các khoản Vay dài hạn như sau:

Chi tiết	Số dư nợ gốc VND
Vay dài hạn ngân hàng	56.892.039.786
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Phòng (*)	54.024.426.286
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Yên Bái	472.490.000
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	2.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp PTNT Hải Phòng	395.123.500

(*) Vay theo hợp đồng tín dụng số 09A/HĐTD-ĐC-TDII - 05/10/2007 tại Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO với lãi suất 7,8%/năm, thời hạn vay là 11 năm. Trong năm 2009, Công ty không thực hiện trích trước chi phí lãi vay với cam kết sẽ làm thủ tục xin miễn chi phí lãi vay do Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO đã mất khả năng thanh toán và sẽ làm thủ tục phá sản trong năm 2010.

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	147.794.720.000	264.580.918.671	(458.506.292)	-	8.522.512.588	1.285.685.611	73.198.105.072	494.923.435.650
Tăng vốn trong năm trước	40.447.545.039	-	(4.200.950.000)	-	-	-	-	36.246.595.039
Tăng khác	-	-	3.711.266	-	47.237.681.422	4.154.919.754	53.023.614	51.449.336.056
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	22.681.007.500	22.681.007.500
Trích lập các quỹ năm này	-	-	-	-	-	-	55.395.370.728	55.395.370.728
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	68.873.384.642	68.873.384.642
Giảm khác	18.523.855.039	-	-	-	2.421.208.766	205.691.273	2.785.295.504	23.936.050.582
Số dư cuối năm trước	169.718.410.000	264.580.918.671	(4.655.745.026)	-	53.338.985.244	5.234.914.092	(76.483.929.688)	411.733.553.293
Tăng vốn trong năm nay	16.798.370.000	-	-	-	-	-	-	16.798.370.000
Trích lập các quỹ năm nay	-	-	-	-	3.924.918.123	734.644.010	-	4.659.562.133
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	46.393.362.782	46.393.362.782
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	-	-	-	-	-	-	11.941.104.042	11.941.104.042
Tăng khác	-	-	-	(554.890.393)	-	-	434.030.264	(120.860.129)
Chi cổ tức trong năm	-	16.798.370.000	-	-	-	-	-	16.798.370.000
Trích lập các quỹ kỳ này	-	-	-	-	-	-	5.574.009.338	5.574.009.338
Phân bổ lợi thế thương mại năm nay	-	-	-	-	-	-	1.935.089.040	1.935.089.040
Phân bổ lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	7.190.517	(56.754.495)	1.063.940.714	198.492.593	4.024.986.619	5.237.855.948
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	173.463.543	173.463.543
Số dư cuối năm	186.516.780.000	247.782.548.671	(4.662.935.543)	(498.135.898)	56.199.962.653	5.771.065.509	(29.422.981.141)	461.686.304.252

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	186.516.780.000	169.718.410.000
- Vốn góp đầu năm	169.718.410.000	169.718.410.000
- Vốn góp tăng trong năm	16.798.370.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	186.516.780.000	169.718.410.000
Chia cổ phiếu thưởng năm 2009	16.798.370.000	-

c) Cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.651.678	16.971.841
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.651.678	16.971.841
- Cổ phiếu phổ thông	18.651.678	16.971.841
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- Cổ phiếu phổ thông	155.470	155.470
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.496.208	16.816.371
- Cổ phiếu phổ thông	18.496.208	16.816.371
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Quỹ đầu tư phát triển	56.199.962.653	53.338.985.244
Quỹ dự phòng tài chính	5.771.065.509	5.234.914.092
Cộng	61.971.028.162	58.573.899.336

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	283.251.434.822	317.186.445.164
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.238.724.409	3.821.362.035
Cộng	288.490.159.231	321.007.807.199

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn bán thành phẩm và hàng hóa	254.571.130.345	272.725.402.530
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.070.181.050	1.238.140.740
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(11.906.431.641)	12.474.197.678
Cộng	247.734.879.754	286.437.740.948

(*) Công ty đã thực hiện hoàn nhập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm 2009 là 11.906.431.641 đồng.

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.435.452.479	11.576.640.493
Cổ tức, hoạt động ủy thác đầu tư và lãi đầu tư cổ phiếu	28.873.921.522	14.049.649.029
Lãi bán ngoại tệ	-	328.630.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.750.719.392	1.657.628.825
Lãi bán hàng trả chậm	-	290.350.277
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.179.311.278	304.247.280
Cộng	45.239.404.671	28.207.145.904

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	4.757.893.799	12.045.047.907
Lỗ do đầu tư chứng khoán	46.884.642.944	9.586.725.135
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.086.149.858	637.005.260
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	199.315.500	248.867.900
Dự phòng các khoản đầu tư chứng khoán (*)	(58.879.177.926)	65.439.116.466
Chi phí tài chính khác	255.621.372	1.145.747.148
Cộng	(5.695.554.453)	89.102.509.816

(*) Chi tiết hoàn nhập các khoản dự phòng các khoản đầu tư như sau:

	Năm 2009 VND
Chi tiết	
Văn phòng Tổng Công ty	(2.077.250.223)
Công ty Cổ phần Yên Sơn	455.978.261
Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO	(90.255.750)
Công ty quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hải Phòng	(904.810.873)
Công ty TNHH Đầu tư Tài chính HAPACO	(56.262.839.341)
Cộng	(58.879.177.926)

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	7.560.667.078	3.170.722.365
Cộng	7.560.667.078	3.170.722.365

(*) Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành như sau:

	Số dư nợ gốc VND
Chi tiết	
Công ty Cổ phần Hải Âu	1.787.077.919
Công ty Cổ phần Yên Sơn	559.187.799
Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc	66.575.956
Công ty Cổ phần Phương Đông	2.184.923.360
Công ty TNHH Đầu tư Tài chính HAPACO	2.962.902.044
Cộng	7.560.667.078

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Kỳ này VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	40.923.630.867
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	40.923.630.867
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	17.156.941
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.385

26 . LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Chi tiết	Tỷ lệ	Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận cổ đông thiểu số	Lợi ích cổ đông thiểu số
Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu	47%	12.894.800.000	3.945.500.511	16.889.198.737
Công ty Cổ phần HAPACO Yên Sơn	13%	11.000.000.000	348.904.261	2.746.787.598
Công ty CP Hải Hà	38%	13.000.000.000	887.763.470	5.972.624.775
Công ty quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hải Phòng	11%	25.000.000.000	289.448.727	1.425.297.382
Công ty CP TMDV Hải phòng	0,2%	6.132.000.000	(1.885.054)	7.072.015
Cộng			5.469.731.915	27.040.980.507

27 . THÔNG TIN KHÁC

- Tập đoàn đang thực hiện các thủ tục để xin miễn giảm chi phí lãi vay của Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO. Công ty con đối với khoản gốc vay Ngân hàng Đầu Tư Phát triển - Chi nhánh Hải Phòng vì Công ty con đã mất khả năng thanh toán. Công ty con không thực hiện trích trước chi phí lãi vay năm 2009 số tiền là 7,7 tỷ đồng. Ngoài ra, Tập đoàn đang thực hiện các thủ tục pháp lý để xin giảm thuế Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO trong năm 2010.

- Khoản lỗ lũy kế của Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO đến ngày 31/12/2009 là 38,4 tỷ đồng đã vượt Vốn đầu tư của chủ sở hữu là 21 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO cũng không có khả năng thanh toán các khoản nợ từ Doanh nghiệp Nhà nước. Do đó, tính hoạt động liên tục của Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO có thể bị ảnh hưởng trong những năm tài chính tiếp theo.

- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty Cổ phần HAP - REE và Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng chưa lập Báo cáo tài chính nên khoản đầu tư vào hai công ty liên kết trên Báo cáo tài chính Hợp nhất của Tập đoàn chưa được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng chênh lệch do việc điều chỉnh từ phương pháp giá gốc sang Phương pháp vốn chủ sở hữu khoản đầu tư tại hai công ty liên kết không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty vì hai công ty liên kết nêu trên đang trong giai đoạn đầu tư.

- Công ty thực hiện góp 8 tỷ đồng để thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Phiêng Côn - HAPACO (tương đương 8% vốn điều lệ của Công ty).

- Công ty chưa có Quyết định bàn giao tài sản cho Công ty con: Công ty Cổ phần Phương Đông và Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P tại thời điểm 31/12/2009.

Các cam kết và nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản đầu tư như sau:

Công ty con	Vốn điều lệ	Cam kết góp vốn	Vốn thực góp đến 31/12/2009	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Kinh doanh TM và XNK HAPACO - Hà Nội	35.000.000.000	35.000.000.000	-	100,0%
Công ty Cổ phần Y tế Quốc tế Hải Phòng	120.000.000.000	61.200.000.000	-	51,0%
Công ty TNHH Thương mại Hải Việt	14.450.000.000	14.450.000.000	-	100,0%
Công ty Cổ phần HAP - REE	60.000.000.000	29.400.000.000	1.500.000.000	49,0%
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	50.000.000.000	29.400.000.000	54.885.005.000	58,8%
Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc	45.000.000.000	13.400.000.000	5.523.855.039	29,8%
Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P	127.000.000.000	120.432.000.000	155.630.855.217	129,2%
Công ty Cổ phần Phương Đông	30.000.000.000	29.960.000.000	10.984.455.931	36,7%
Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO	30.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	100,0%
Cộng	511.450.000.000	354.242.000.000	249.524.171.187	

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán.

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 lập theo phương pháp trực tiếp đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN). Tuy nhiên, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được lập theo phương pháp gián tiếp, số liệu so sánh năm 2008 do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO lập ngày 24/02/2010.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Văn Phú

Vũ Dương Hiền